

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH 15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH 15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số/BC-BPC ngày/...../2026 của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm triển khai và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng năm 2026

2. Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai, Khóa....., Kỳ họp thứ....., thông qua ngày.... tháng... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đồng Nai;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố, UBND thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Báo và Phát thanh – Truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông
trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.../2026/NQ-HĐND ngày.... tháng... năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2: Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ
CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo án, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật.

a) Đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng chuyển giao công nghệ:

- Chi thù lao cho giảng viên (bao gồm cả thù lao soạn giảng bài, một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt là Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND)

- Chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật mức chi: 300.000 đồng/buổi.

b) Đối với các lớp tập huấn đào tạo cho các đối tượng nhận chuyển giao công nghệ:

- Chi thù lao giảng viên giảng dạy: 100.000 đồng/giờ.

3. Chi phụ cấp ăn uống, chi phí đi lại, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; nước uống phục vụ lớp học thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND).

4. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): mức chi thực hiện theo thực tế trong phạm vi dự toán được duyệt.

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu trong thời gian tham dự bồi dưỡng tập huấn, đào tạo, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng chuyển giao công nghệ và đối tượng nhận chuyển giao công nghệ.

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông thực hiện như sau:

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí

khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, mức áp dụng theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND.

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không tính tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên thanh toán mức khoán 200.000 đồng/người/khóa học. Riêng đối với người khuyết tật nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú từ 5 km trở lên mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học.

Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND.

b) Đối với các đối tượng nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông thực hiện như sau:

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên thanh toán theo mức khoán 200.000 đồng/người/khóa học. Riêng đối với người khuyết tật nếu địa điểm đào tạo xa nơi cư trú 5km trở lên mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học.

Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND.

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên.

Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐND.

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

6. Chi khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước

- Đối với khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

- Đối với khảo sát, học tập kinh nghiệm ngoài nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

7. Chi phiên dịch và biên dịch (nếu có).

a) Chi thuê phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc tại điểm a khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

b) Chi biên dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt và ngược lại: nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND).

Điều 4. Thông tin tuyên truyền

1. Chi tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng

a) Xuất bản tạp chí, tài liệu, các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu. Trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với các tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập: nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt) nhưng không quá 10 triệu đồng trên một đơn vị tham gia; chi thông tin tuyên truyền hội chợ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cho hoạt động của Ban tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Chi tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung chi và mức chi các hoạt động thi tay nghề các cấp.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT - BTC -BKHĐT - BTTTT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

a) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản) đối với mô hình được triển khai ở địa bàn xã, thôn, ấp khó khăn, đặc biệt khó khăn và biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu công bố của cấp có thẩm quyền.

b) Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản) đối với mô hình được triển khai ở địa bàn trung du, miền núi, bãi ngang.

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản) xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp ở địa bàn đồng bằng.

d) Hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

e) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

g) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng mô hình và tối đa 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.

Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này

3. Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật thực hiện mô hình theo Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh: mức chi thực hiện tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày đi thực tế làm việc.

4. Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cùng một nội dung của mô hình, đối tượng thụ hưởng chỉ được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến nông khi chưa nhận được hỗ trợ bất kỳ nguồn kinh phí nào từ ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Mức chi

a) Chi tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Chi tư vấn thông qua các phương tiện thông tin truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Chi tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. Mức chi

a) Chi hợp tác quốc tế về khuyến nông: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (viết tắt Nghị quyết số 160/2019/NQ-HĐND).

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Áp dụng theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ về quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có): mức chi theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9 . Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Các nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định 83/2018/NĐ-CP, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021.

Điều 11. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung và thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.